

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D\_3\_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3567.200

Fax: 0650.3567.201

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Hồng Tuyên**, Chức vụ: Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **“Báo cáo thường niên năm 2016”**.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/4/2017 tại đường dẫn: [www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong](http://www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tài liệu đính kèm:  
BCTN năm 2016.



**NGUYỄN HỒNG TUYÊN**

Ổ

Ấ

Digitally signed by CÔNG TY  
CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX  
DN: c=VN, st=Bình Dương,  
l=Cục Thuế Tỉnh Bình Dương,  
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ  
TÔNG BECAMEX,  
0.9.2342.19200300.100.1.1=  
MST:3700926112  
Date: 2017.04.20 14:39:40  
+07'00'

# MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phần I: Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Các công ty con, công ty liên kết
6. Định hướng phát triển

Phần II - Tình hình hoạt động năm 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016
2. Những tiến bộ và các kết quả nổi bật đã đạt được
3. Tổ chức và nhân sự
4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
5. Tình hình tài chính
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Phần III: Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phần IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị

Phần V: Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

## Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Kính thưa quý cổ đông, khách hàng và đối tác,*

*Lời đầu tiên thay mặt Công ty Cổ phần Bê tông Becamex tôi xin gửi lời chúc sức khỏe và hạnh phúc đến quý vị cùng gia đình. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng ủng hộ của quý vị trong suốt thời gian qua.*

*Kính thưa quý vị, qua hơn 8 năm hình thành và phát triển, Công Ty Cổ Phần Bê tông Becamex đã từng bước khẳng định vị trí cũng như thương hiệu của Công Ty trên thị trường. Năm 2016 được nhận định là năm hoạt động kinh doanh với nhiều khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Nhận diện được những khó khăn chung, Công ty tăng cường công tác quản trị nội bộ, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động từ khâu sản xuất đến thi công của các dự án, công trình công ty thực hiện năm qua. Hiệu quả kinh doanh năm vừa qua đã tiếp thêm sức mạnh, niềm tin để ACC tiếp tục hoàn thiện, đổi mới, tìm ra những giải pháp tốt nhất đưa công ty ngày càng phát triển để xứng tầm với khẩu hiệu “**Chất lượng cho mọi công trình**”. Hướng tới sự phát triển ổn định và bền vững trong tương lai, ACC không ngừng phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, nâng cao trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.*

*Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin nhiệm của Quý vị cổ đông trong thời gian qua. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bê tông Becamex cam kết sẽ hoàn thành những chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông giao phó trong năm 2017, nâng cao giá trị đầu tư của cổ đông, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội*

*Trân trọng!*

# PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên tiếng anh:** BECAMEX ASPHAL & CONCRETE JOINT-STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** BECAMEX ACC

**Giấy CNĐKDN số:** 3700926112

**Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 ( Một trăm tỷ đồng )

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 221.324.026.528

**Địa chỉ:** Lô D\_3\_CN, đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

**Điện thoại:** 0650 3 567201

**Fax:** 0650 3 567200

**Email:** [becamexacc@gmail.com](mailto:becamexacc@gmail.com)

**Website:** [www.becamexacc.com.vn](http://www.becamexacc.com.vn)

**Mã cổ phiếu :** ACC

## 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty Cổ phần Bê tông Becamex được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa 2 Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng và Xí nghiệp công bê tông cốt thép trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một Thành Viên (Becamex IDC Corp.) theo Quyết định số **631/QĐ-UBND** ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3700926112** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/6/2008 với vốn điều lệ **60.000.000.000** đồng.
- Ngày 11/6/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3700926112** (cấp thay đổi lần thứ 1) bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Năm 2009, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCOM là ngày 22/12/2009.
- Năm 2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên **100.000.000.000** đồng. Ngày 05/11/2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3700926112** (cấp thay đổi lần thứ 2).
- Năm 2011, Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM (HOSE), ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE là ngày 30/6/2011.
- Ngày 21/5/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3700926112** (cấp thay đổi lần thứ 3) bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Ngày 22/5/2014 Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3700926112** (cấp thay đổi lần thứ 4) bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.
- Ngày 02/6/2014, Công ty mua 4.479.600 cổ phiếu BMJ, chiếm 74,66% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex. Ông Trương Đức Hùng - Chủ tịch HĐQT Becamex ACC tham gia vào HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex với chức danh Chủ tịch HĐQT.

- Ngày 28/6/2014, Công ty mua 65.900 cổ phiếu BHCC của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương và ngày 30/7/2015 Công ty nhận được 19.770 cổ phiếu thưởng BHCC nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 85.670 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ. Bà Phạm Thị Sương - Thành viên HĐQT Becamex ACC tham gia vào HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương với chức danh Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ngày 10/7/2014, Công ty mua thêm 1.245.000 cổ phiếu HJC của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 2.490.000 cổ phiếu, chiếm 12,45% vốn điều lệ. Ông Trương Đức Hùng - Chủ tịch HĐQT Becamex ACC đã tham gia vào HĐQT Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước với chức danh thành viên HĐQT.
- Ngày 19/6/2015, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 5) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Ngày 01/7/2015, Công ty mua 900.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG), chiếm 60% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của ABG. Ông Trương Đức Hùng - Chủ tịch HĐQT Becamex ACC tham gia vào HĐQT Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình với chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Ngày 09/5/2016, Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương.

### 3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

#### Ngành nghề kinh doanh

- ❖ **Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.**
  - Chi tiết: Sản xuất công bê tông cốt thép các loại;
  - Sản xuất bê tông nhựa các loại;
  - Sản xuất bê tông xi măng các loại;
  - Sản xuất cấu kiện đúc sẵn;
  - Sản xuất gạch không nung;
  - Sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block;
  - gạch trồng cỏ; gạch terrazzo.
- ❖ **Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ:** Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình giao thông.
- ❖ **Xây dựng nhà các loại:** Chi tiết: Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
- ❖ **Lắp đặt hệ thống điện.**
- ❖ **Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:** Chi tiết: Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại; cấu kiện đúc sẵn; các loại vật liệu xây dựng; các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.
- ❖ **Xây dựng công trình công ích:** Chi tiết: Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công xây dựng các công trình thủy lợi.
- ❖ **Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.**
- ❖ **Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.**
- ❖ **Chuẩn bị mặt bằng.**
- ❖ **Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.**
- ❖ **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.**
- ❖ **Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.**
- ❖ **Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.**
- ❖ **Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.**
- ❖ **Sản xuất các cấu kiện kim loại.**
- ❖ **Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.**

- ❖ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- ❖ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy định của tỉnh).
- ❖ Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- ❖ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- ❖ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- ❖ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Chi tiết: Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn.
- ❖ Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Trồng cây đô thị.
- ❖ Phá dỡ.
- ❖ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.



## Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex trong địa bàn tỉnh Bình Dương và một số tỉnh lân cận.



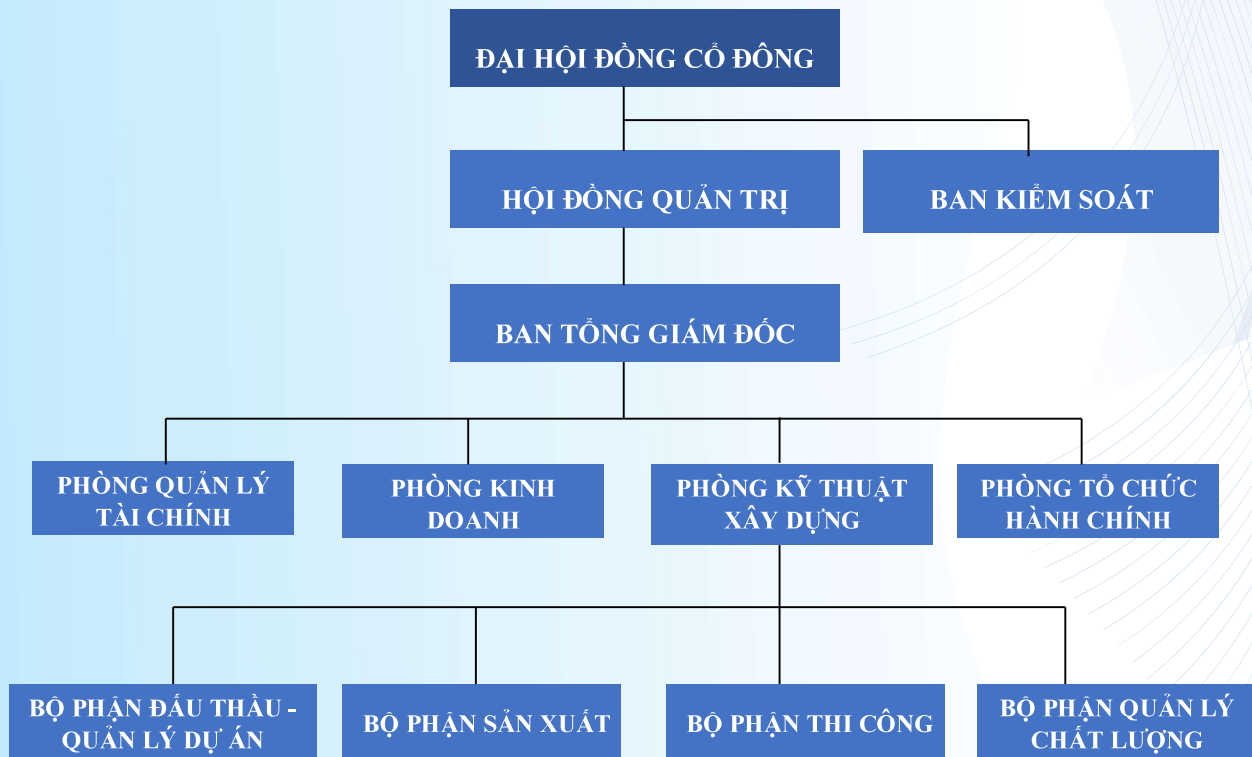
## 4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### ❖ Mô hình quản trị

- Đại hội cổ đông (ĐHCĐ): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- Hội đồng quản trị (HDQT): Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát: Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.
- Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng điều hành hoạt động sản xuất của Công ty. Thực hiện các nghị quyết của HDQT và ĐHCĐ và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được HDQT và ĐHCĐ thông qua.

### ❖ Cơ cấu bộ máy quản lý

#### Sơ đồ tổ chức



## 5. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



### **Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex**

**Mã cổ phiếu:** BMJ

**Địa chỉ:** Số 112/125, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh:** Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát); Sản xuất vật liệu xây dựng; Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản; Kinh doanh vận tải hàng hoá; San lấp mặt bằng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân.

ACC nắm giữ **4.479.600** cổ phần, chiếm **74,66%** vốn điều lệ BMJ.



### **Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình**

**Tên viết tắt:** ABG.

**Địa chỉ:** Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh:** Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

ACC nắm giữ **900.000** cổ phần, chiếm **60%** vốn điều lệ.

Với phương châm không ngừng mở rộng thị trường kinh doanh, Becamex ACC ngoài việc đầu tư vốn để trở thành công ty mẹ nắm quyền chi phối, để phát triển đa dạng ngành nghề kinh doanh, Becamex ACC đã tiếp tục đầu tư góp vốn vào các công ty sau



### **Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước**

**Mã cổ phiếu:** HJC. Tổng số cổ phiếu nắm giữ: **2.490.000** cổ phiếu, chiếm **12,45%** vốn điều lệ. **Ngành nghề kinh doanh:** Hoạt động của bệnh viện; Hoạt động của phòng khám chữa bệnh; Bán buôn dược phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị y khoa.

**BHCC**

### **Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương**

**Viết tắt:** BHCC. Tổng số cổ phiếu nắm giữ: **65.900** cổ phiếu, chiếm **10,98%** vốn điều lệ.

**Ngành nghề kinh doanh:** - Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện; - Xây lắp điện trung hạ thế (đến 35KVA), hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu và biển báo giao thông; - Trồng cây đô thị; - Dịch vụ sơn kẻ vạch phân luồng bằng sơn nóng; - Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện và công trình xây lắp điện trung thế; - Thiết kế xây dựng cầu, đường bộ  
.....



## 6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu:

- Cung cấp cho xã hội và khách hàng các sản phẩm đảm bảo chất lượng cao, dịch vụ uy tín và tinh thần trách nhiệm, phù hợp với nhu cầu thị trường, tối ưu hóa lợi ích của khách hàng.
- Tiếp tục xây dựng thương hiệu Công ty trở thành thương hiệu mạnh trên thị trường, phát triển bền vững và ổn định.
- Với chính sách "Chất lượng cho mọi công trình", Công ty Cổ phần Bê tông Becamex cam kết không ngừng sáng tạo để trở thành nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng với chất lượng ưu thế vượt trội, uy tín, hiệu quả, góp phần kiến tạo môi trường sống văn minh và hiện đại cho cộng đồng.
- Tiếp tục phát huy thế mạnh những ngành nghề chủ lực và phát triển đa dạng các dòng sản phẩm hiện có với giá cạnh tranh, chất lượng tốt; đồng thời phát triển thêm ngành nghề mới, đem lại lợi ích tối ưu cho cổ đông, đóng góp vào công cuộc đổi mới của tỉnh nhà, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, thực hiện liên doanh - liên kết với các đơn vị thành viên trong Group Becamex, các đơn vị cùng ngành để mở rộng thị trường tiêu thụ và thâm nhập vào các dự án lớn trong và ngoài tỉnh.
- Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng nền tảng tài chính vững mạnh, tạo thế và lực phát triển bền vững.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu gắn liền với chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Để phù hợp với tình hình mới, Công ty tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh một cách linh hoạt và vận dụng các kiến thức mới.
- Ưu tiên đầu tư cho công tác thị trường, đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, tăng cường quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty đến khách hàng.
- Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất bê tông thương phẩm để tăng sản lượng, quy mô, tích lũy kinh nghiệm hướng đến các công trình quy mô lớn
- Tiếp tục tìm hiểu các công nghệ tiên tiến để hoàn thành công tác đầu tư phát triển sản phẩm mới, đảm bảo đầu tư có hiệu quả và đúng thời điểm trong tương lai.

- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ quản lý để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững.

**Mục tiêu phát triển bền vững:**

- Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các công trình thi công. Luôn tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, thi công.
- Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo vệ sinh an toàn tại các nhà máy. Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo đúng quy định.
- Đảm bảo thu nhập và môi trường làm việc đối với người lao động ở điều kiện tốt nhất.
- Với tinh thần hướng tới và chung tay vì cộng đồng tốt đẹp, Công ty đã thực hiện: Tặng quà bằng tiền mặt cho CBCNV thuộc gia đình chính sách Thương binh-Liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên Đán và ngày 27-07; Ủng hộ ngày hội từ thiện VSIP lần XIV...



## Các rủi ro



**Rủi ro đặc thù ngành:** Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công thường kéo dài, việc nghiệm thu công trình hay bàn giao thường được thực hiện trễ hơn dự kiến. Quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như việc quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian nên việc thu hồi nợ, giải ngân vốn từ các công trình để đưa vào lưu thông cũng bị chậm trễ đây chính là đặc thù

của ngành.

**Rủi ro về luật pháp:** Luật và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, các văn bản về thuế thường xuyên thay đổi. Sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, việc áp dụng vào thực tế các quy định pháp luật không tránh khỏi nhiều quy định mâu thuẫn, chông chéo nhau. Việc này gây nhiều khó khăn cho hoạt động thực thi, áp dụng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhằm hạn chế những rủi ro này, Becamex ACC luôn cập nhật các văn bản pháp luật mới ban hành, nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản này đến các hoạt động của Công ty để có sự điều chỉnh thích hợp. Thường xuyên rà soát các quy chế nội bộ của Công ty để có những sửa đổi, bổ sung phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.



**Rủi ro về quản trị nguồn nhân lực:** Con người luôn là nhân tố quan trọng để dẫn đến một công ty thành công. Bên cạnh đó thì việc giữ chân người lao động và để người lao động làm việc và cống hiến hết sức mình cho công ty cũng là vấn đề thật sự khó khăn. Việc thực hiện các chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực nội bộ hiệu quả với bộ máy tinh gọn để đảm bảo hiệu quả tối ưu chi phí vận hành nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu công việc, giúp công ty luôn phát triển là một thách thức trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực của công ty. Với các vấn đề nhân sự nói trên, để kiểm soát tốt rủi ro này và giúp Công ty hoạt động hiệu quả, ACC luôn chú trọng đến việc xây dựng kế hoạch kế thừa các cấp hàng năm, đào tạo, huấn luyện nhân viên đặc biệt là lực lượng kế thừa. Chăm lo tốt

cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng. Thanh lọc lực lượng nhân sự đảm bảo đáp ứng được yêu cầu công việc, nêu cao tinh thần trách nhiệm và lòng trung thành.

**Rủi ro cạnh tranh:** Nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, áp lực mở cửa thị trường và tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp. Cạnh tranh về giá và thị phần giữa các doanh nghiệp trong nội bộ ngành ngày càng lớn. Hiện nay, Công ty phải chịu sức cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp hoạt động chung ngành nghề. Ứng phó với rủi ro trên, ACC phải củng cố lại các mặt hoạt động, quản trị chi phí hiệu quả hơn nữa để giảm giá thành sản phẩm, dự trữ nguồn nguyên liệu chính, thâm nhập sâu hơn vào thị trường hiện hữu, phân loại khách hàng để có chính sách bán hàng thích hợp. Bên cạnh đó, dưới áp lực cạnh tranh ngày càng cao, Công ty cũng tăng cường công tác nghiên cứu, thâm nhập thị trường mới.



# PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Becamex ACC):

❖ **Công ty: Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (ACC)**

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>347.235.852.676</b>	<b>332.834.933.473</b>
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	340.660.332.676	326.715.933.162
	<i>Sản xuất, kinh doanh &amp; thi công BTNN</i>	<i>163.773.491.596</i>	<i>129.619.114.443</i>
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	<i>102.603.427.968</i>	<i>92.346.949.627</i>
	<i>Cống BTCT, cầu kiện BTĐS</i>	<i>69.283.413.112</i>	<i>92.638.389.483</i>
	<i>Cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>12.111.479.609</i>
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	6.575.520.000	6.114.062.698
1.3	Thu nhập khác	-	4.937.613
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>305.900.504.460</b>	<b>290.203.883.744</b>
<b>3</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>41.335.348.216</b>	<b>42.631.049.729</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>37.035.645.947</b>	<b>37.451.974.540</b>

Năm 2016, lĩnh vực cung cấp & thi công bê tông nhựa nóng và sản phẩm công bê tông cốt thép vẫn tiếp tục mang lại doanh thu chính cho Công ty với tỷ lệ lần lượt là 40% và 28% tổng doanh thu. Bên cạnh đó lĩnh vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dân dụng & công nghiệp là lĩnh vực hoạt động mới của Công ty, đóng góp 28% tổng doanh thu.



**❖ Công ty con: Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex (BMJ)**

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu (Đồng)</b>	<b>75.446.511.573</b>
1.1	Doanh thu bán hàng	73.829.969.171
	<i>Đá 0x4</i>	35.082.053.701
	<i>Đá 1x2</i>	28.591.306.857
	<i>Đá học xay máy</i>	5.491.968.993
	<i>Các loại đá khác</i>	4.664.639.620
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	481.041.137
1.3	Thu nhập khác	1.135.501.265
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>58.450.991.202</b>
<b>3</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>16.995.520.371</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>13.478.102.796</b>

**❖ Công ty con: Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG)**

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.536.623.870</b>
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	6.424.600.947
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	89.455.793
1.3	Thu nhập khác	22.567.130
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>6.075.094.203</b>
<b>3</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>461.529.667</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>366.022.811</b>

❖ **Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2016:**

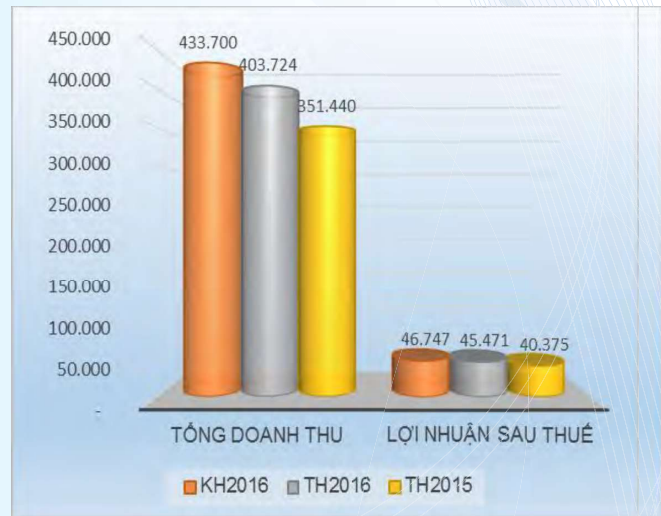
ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	433.700.032.676	403.724.222.527	-7%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	55.042.813.176	54.262.579.767	-1%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.746.513.915	45.470.580.147	-3%
3.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	42.473.930.470	41.908.819.774	
3.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	4.272.583.445	3.561.760.373	

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Cơ hội kinh doanh do thị trường tạo ra cũng khá nhiều nhưng thách thức cũng không kém. Vì vậy ngay từ đầu năm, HĐQT, Ban TGD đã có những định hướng và bước đi phù hợp với sự vận động của thị trường.

Sự phối hợp nhịp nhàng, linh hoạt trong điều hành, kinh nghiệm am hiểu thị trường của Ban Lãnh Đạo, sự hỗ trợ từ công ty mẹ cùng với quyết tâm, nỗ lực của toàn thể người lao động, sự ủng hộ của khách hàng đã tạo nên thành công của Công ty.



Tính đến thời điểm hiện nay, tình hình đầu tư góp vốn của Becamex ACC như sau:

Công ty	BMJ	ABG	HJC	BHCC
Số cổ phần sở hữu	4.479.600	900.000	2.490.000	65.900
Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	74.66%	60%	12.45%	10.98%

Nhằm hiện đại hóa các máy móc thiết bị để đáp ứng yêu cầu sản xuất, chất lượng cũng như thẩm mỹ cao của các công trình, vì vậy trong năm 2016 Công ty đã đầu tư mới một số xe máy, thiết bị với tổng giá trị là 6.672.734.501 đồng.

## 2. NHỮNG TIẾN BỘ VÀ CÁC KẾT QUẢ NỔI BẬT ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

### **Điều hành sản xuất kinh doanh:**

- Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, tháng và kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện.
- Tăng cường mở rộng thị trường, nắm bắt nhu cầu, thị hiếu khách hàng, theo dõi sản lượng tiêu thụ, giá bán, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng để có kế hoạch sản xuất, đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu khách hàng với giá bán phù hợp.
- Nâng tầm thương hiệu bằng việc lắp đặt các bảng quảng cáo lớn ngoài trời tại các vị trí có mật độ giao thông cao, quảng cáo trên các phương tiện truyền thông.
- Tăng cường tỷ trọng mặt hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao dựa trên ưu thế quy trình sản xuất kinh doanh khép kín và uy tín thương hiệu.
- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị; kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về hệ thống quản lý chất lượng;

Các giải pháp về kiểm soát và tiết giảm chi phí:

- Chuẩn hoá các quy chế, quy trình hoạt động của Công ty phù hợp với tình hình thực tiễn của doanh nghiệp và tuân thủ pháp luật, từ đó việc kiểm soát và quản lý các chi phí hiệu quả hơn.
- Rà soát và kiểm tra hệ thống định mức nguyên nhiên vật liệu đã ban hành xem đã phù hợp với thực tế chưa vì định mức sẽ thay đổi khi nguồn nguyên nhiên liệu đầu vào thay đổi.
- Phối hợp nhịp nhàng giữa sản xuất và thi công để tăng hiệu suất làm việc, tiết kiệm nhiên liệu, nhân công và ca máy.

### **Chiến lược phát triển sản phẩm:**

Sản phẩm là yếu tố hàng đầu, quan trọng nhất trong cả quá trình bán hàng. Cho dù công ty có đầu tư bao nhiêu tiền của vào hoạt động nghiên cứu thị trường, nâng cao chất lượng của chiến lược truyền thông đi nữa mà không quan tâm đầu tư, phát triển sản phẩm thì tất cả đều là vô ích, các chiến lược chắc chắn sẽ không thể mang lại hiệu quả. Xuất

phát từ đó, Công ty cần phải chú trọng, tập trung tới các yếu tố ảnh hưởng đến sản phẩm, các yếu tố đó là:

**Chất lượng sản phẩm:** Một sản phẩm muốn thành công trên thị trường trước hết phải là một sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước đề ra.

**Giá thành sản phẩm:** Đây cũng là một yếu tố được khách hàng hết sức quan tâm bên cạnh chất lượng. Vì vậy Ban lãnh đạo cần nâng cao năng suất làm việc của người lao động, máy móc thiết bị, quản lý hiệu quả nhân công - ca máy - nguyên nhiên vật liệu, giảm bớt những chi phí phát sinh không cần thiết, từ đó có một mức giá hợp lý để cạnh tranh, vừa bù đắp được chi phí, vừa đem lại lợi nhuận cho Công ty.

**Tạo sản phẩm khác biệt:** khác biệt về chất lượng, dịch vụ cung cấp, bàn giao công trình đúng tiến độ, công trình chất lượng, thẩm mỹ, an toàn và bền vững... Qua đó giúp cho sản phẩm của Công ty thu hút được sự quan tâm của khách hàng, khách hàng cảm thấy hài lòng, ưa chuộng sản phẩm của Công ty, đồng thời là yếu tố khác biệt với các sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh khác. Công ty thực hiện đồng bộ các yếu tố trên, giúp Công ty nâng cao uy tín để phát triển bền vững trong tương lai.



### 3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

#### Danh sách Ban điều hành

##### **Ông: Nguyễn Hồng Tuyên - Tổng giám đốc**

- Trình độ: Kỹ sư Xây dựng cầu đường.
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 31/3/2017): 0,001%.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 2004 - 2005: nhân viên văn phòng Công ty Cổ phần Giao thông Vận tải Lam Hồng. Từ tháng 9/2005 - 01/2006: nhân viên Bộ phận xây dựng và bất động sản Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.
  - Tháng 02/2006: nhân viên Trạm cầu kiện bê tông đúc sẵn Mỹ phước thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.
  - Từ tháng 3/2006 - 8/2006: Phó bộ phận cầu kiện bê tông Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.
  - Từ tháng 9/2006 - 11/2006: Phó bộ phận cầu kiện bê tông kiêm giám sát công trường Xí nghiệp xây dựng TDC thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.
  - Tháng 3/2007: nhân viên Xí nghiệp bê tông thuộc Phòng sản xuất kinh doanh trực thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC Corp.).
  - Từ tháng 7/2008 - 3/2011: Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
  - Từ tháng 4/2011 - 5/2015: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
  - Từ ngày 01/6/2015 - 12/6/2015: Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kinh doanh kiêm Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
  - Từ 12/06/2015 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

##### **Bà: Phạm Thị Sương - Phó Tổng giám đốc thường trực**

- Trình độ: Kế toán.
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 31/3/2017): 0,11% .
- Quá trình Công tác:

- Từ tháng 8/1976 đến năm 1992: Công tác tại Công ty Thương nghiệp huyện Bến Cát
- Từ năm 2004 đến tháng 6/2008: Công tác tại Xí nghiệp sản xuất công bê tông cốt thép trực thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC Corp.).
- Từ tháng 7/2008: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
- Từ 27/4/2011 đến 24/4/2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê Tông Becamex.
- Từ ngày 25/4/2013 đến 12/6/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
- Từ ngày 12/6/2015 đến nay: thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình và Công ty Cổ phần Giao Thông Thủy Lợi Bình Dương

#### **Ông: Nguyễn Xuân Cường - Phó Tổng giám đốc**

- Trình độ: Kỹ sư Xây dựng.
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 31/3/2017): 0,0024%.
- Quá trình Công tác:
- Từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2006: Giám sát thi công tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC Corp.).
- Từ tháng 10/2006 đến tháng 6/2007: Phó Giám Đốc Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (Becamex IDC) (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC Corp.).
- Từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu xây dựng Becamex. Từ tháng 7/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc - kiêm Trưởng Phòng kỹ thuật xây dựng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

#### **Bà: Nguyễn Thị Thúy Vân – P.TGD phụ trách phòng quản lý tài chính**

- Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế ngành Kế toán - Kiểm toán.
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 31/3/2017): 0,19%.
- Quá trình Công tác:

- Ngày 01/04/2003: Kế toán tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC Corp.).
- Từ tháng 7/2008 đến tháng 2/2009: Kế toán kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
- Từ tháng 3/2009 đến ngày 28/02/2011: Phụ trách phòng kinh doanh kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Bê tông Becamex.
- Từ ngày 01/3/2011 đến ngày 31/7/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Bê tông Becamex.
- Từ 01/8/2015 đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách phòng quản lý tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.

### **Những thay đổi trong ban điều hành**

*Trong năm không có thay đổi trong Ban điều hành*

### **Thành phần lao động**

- Công ty Cổ phần Bê tông Becamex ngay từ những ngày đầu thành lập đã xác định nhân sự là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững và ổn định. Trong quá trình hình thành và phát triển, một trong những mục tiêu quan trọng của Công ty là xây dựng một đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và chuẩn về chất lượng, tận tâm vì sự phát triển vững mạnh của Công ty. Lực lượng lao động của Công ty phần lớn là lao động trẻ có độ tuổi từ 22 đến 40. Đây là độ tuổi có sức khỏe phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Công ty góp phần gia tăng hiệu quả trong công tác sản xuất kinh doanh ở hiện tại cũng như tương lai.
- Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 350 người. Trong đó, 0,58 % có trình độ trên đại học, 14 % có trình độ đại học, 9,71% có trình độ cao đẳng - trung cấp, còn lại có trình độ khác và lao động phổ thông.
- Công ty luôn chú ý thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, đặc biệt là chế độ lương, thưởng và các khoản bảo hiểm bắt buộc.

Trình độ	31/12/2014		31/12/2015		31/12/2016	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>	<b>266</b>	<b>100%</b>	<b>322</b>	<b>100%</b>	<b>350</b>	<b>100%</b>
Cao học			02	0,93%	02	0,58%
Đại học	33	12,4%	45	13,66%	49	14%
CD & TC	39	14,6%	32	9,94%	34	9,71%
CN kỹ thuật	66	24,8%	64	19,87%	60	17,14%
Lao động phổ thông	128	48,2%	179	55,59%	205	58,57%
<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>266</b>	<b>100%</b>	<b>322</b>	<b>100%</b>	<b>350</b>	<b>100%</b>
HĐLĐ có thời hạn	240	90,2%	263	81,68%	285	81,43%
HĐLĐ thời vụ	10	4%	26	9,8%	59	18,32

### Những thay đổi trong các chính sách quản lý nhân sự:

- Xây dựng lại quy chế tiền lương CBNV trên cơ sở gắn tiền lương với năng suất chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo bình đẳng, đúng người, đúng việc và khuyến khích người lao động phát huy hiệu quả, tăng năng suất lao động, phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động, Luật BHXH và các quy định pháp luật hiện hành.
- Do tính chất đặc thù của ngành nghề kinh doanh, Công ty có các khoản phụ cấp phù hợp cho CBNV công tác tại các công trình: Phụ cấp công trình, phụ cấp đi lại, phụ cấp công tác, phụ cấp đặc biệt cho các công trình xa, phụ cấp bằng hiện vật (đường, sữa)...

## 4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

### a. Các khoản đầu tư lớn

Năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện các dự án của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC Corp.). Bên cạnh đó dựa trên thế mạnh những ngành nghề chủ lực đã có thương hiệu trên thị trường, Công ty đã từng bước mở rộng thị trường kinh doanh, phát triển đa dạng các dòng sản phẩm hiện có của Công ty với giá cả cạnh tranh, chất lượng tốt.



***b. Các công ty con, công ty liên kết***

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	BMJ	ABG	Ghi chú
1	Vốn góp của Công ty đến thời điểm 31/12/2016		4.479.600	900.000	
2	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	89.569	16.948	
3	Doanh thu thuần	Tr.đồng	73.830	6.425	
4	LN từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	16.273	447.647	
5	LN khác	Tr.đồng	722.681	13.883	
6	LN trước thuế	Tr.đồng	16.996	462	
7	LN sau thuế	Tr.đồng	13.478	366	
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức		15%/VĐL	2%/VĐL	

## 5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

***a. Tình hình tài chính Công ty mẹ***

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2015	Năm 2016
2	Tổng giá trị tài sản	294.602	276.336
3	Doanh thu thuần	326.716	293.678
4	LN từ hoạt động kinh doanh	42.631	38.493
5	LN khác	-	308
6	LN trước thuế	42.631	38.802
7	LN sau thuế	37.452	33.595
8	Tỷ lệ LN trả cổ tức	≥25%/VĐL	≥18%/VĐL

*Nguồn: BCTC công ty đã kiểm toán*

***b. Tình hình tài chính hợp nhất***

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2015	Năm 2016
2	Tổng giá trị tài sản	322.039	342.568
3	Doanh thu thuần	401.991	350.065
4	LN từ hoạt động kinh doanh	53.626	46.695
5	LN khác	636	551
6	LN trước thuế	54.263	47.246
7	LN sau thuế	41.909	36.463
8	Tỷ lệ LN trả cổ tức		

Nguồn: BCTC công ty đã kiểm toán

***c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty mẹ***

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,6	1,9
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,1	1,4
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,4	0,3
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,6	0,5
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	4,7	5,9
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1	1,2
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11,9%	11,4%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	12%	13,6%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	19,6%	20,1%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	13,2%	13%

*c. Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất*

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,1	2,5
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,5	1,9
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,4	0,3
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,6	0,5
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1,1	1,1
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,02	1,25
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11,2%	11,3%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	18,5%	20,5%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	11,4%	14,1%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	13,3%	13,3%

## 6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

*a. Cổ phần*

STT	Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
1	Mã CK	ACC	
2	Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần	
3	Thị trường niêm yết	Sở giao dịch chứng khoán HCM	
4	Người chịu trách nhiệm CBTT	Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Hồng Tuyên	
5	Tổng số Cổ phần đang lưu hành	10.000.000	100%
6	Loại cổ phần	Cổ phần Phổ thông	

- Tất cả số cổ phần đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: **9.988.024** cp
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: **11.976** cp

Trong năm, Công ty không có các đợt tăng vốn cổ phần nên không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

*b. Cơ cấu cổ đông (Theo Danh sách cổ đông ACC chốt ngày 31/3/2017)*

	Số lượng	Số CP SH	Tỷ lệ
Cá nhân trong nước	369	548.458	5,484
+ Chưa lưu ký	34	36.200	0,362
+ Đã lưu ký	335	512.258	5,123
Tổ chức trong nước	11	7.659.442	76,594
+ Chưa lưu ký	1	7.336.704	73,367
+ Đã lưu ký	10	322.738	3,227
<b>CỘNG TRONG NƯỚC</b>	<b>380</b>	<b>8.207.900</b>	<b>82,079</b>
+ Chưa lưu ký		7.372.904	73,729
+ Đã lưu ký		834.996	8,349
Cá nhân nước ngoài	16	232.390	2,323
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	16	232.390	2,323
Tổ chức nước ngoài	9	1.559.710	15,597
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	9	1.559.710	15,597
<b>CỘNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>25</b>	<b>1.792.100</b>	<b>17,921</b>
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	25	1.792.100	17,921
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>405</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100</b>

*a. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Trong năm không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

*b. Giao dịch cổ phiếu quỹ*

Không có giao dịch

*c. Các chứng khoán khác*

Không có

## 7. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### ***Quản lý nguồn nguyên vật liệu***

Trong năm 2016 Công ty đã nhập khối lượng lớn các nguồn nguyên vật liệu khác nhau đảm bảo phục vụ sản xuất các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm như: nhựa đường, bê tông, thép, cát, đá, xi măng, ..., các loại vật liệu hoàn thiện và hệ thống cơ điện để phục vụ cho thi công.

### ***Tiêu thụ năng lượng***

#### ***a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp***

Công ty sử dụng nguồn năng lượng điện và xăng dầu cho các công tác sản xuất và thi công tại các nhà máy cũng như công trình của Công ty.

#### ***b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả***

Áp dụng các chính sách tiết kiệm năng lượng điện như: tắt tất cả các thiết bị điện văn phòng khi không có nhu cầu sử dụng, xây dựng chính sách và đơn giá khoán đối với nhiên liệu xăng dầu phù hợp, sử dụng tiết kiệm nguồn nước nhằm giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng.

#### ***c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng***

Trong năm 2016, công ty không có sáng kiến nào được công nhận.

### ***Tiêu thụ nước***

#### ***a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng***

Hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn nước tại Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương

#### ***b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng***

Hiện tại Công ty chưa có kế hoạch tái sử dụng nguồn nước đã qua sử dụng cho sinh hoạt cũng như sản xuất hàng ngày.

## ***Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường***

### **a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường**

- Đến thời điểm hiện tại Công ty không bị xử phạt vì vi phạm các quy định về môi trường, Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định liên quan đến tác động môi trường, là một trong những yếu tố cấu thành hành động và trách nhiệm với môi trường và xã hội của Công ty. Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty luôn xem xét các tiêu chí Xanh là một trong những yêu cầu đối với công tác thiết kế và thi công trên công trường đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực thi công và các vùng lân cận, nhờ đó làm tăng giá trị doanh nghiệp đối với khách hàng và góp phần bảo vệ môi trường một cách thiết thực hơn.
- Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo vệ sinh an toàn trong các nhà máy sản xuất, kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo đúng quy định.
- Becamex ACC cam kết toàn thể nhân viên Công ty nhận thức và hành động hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường.

### **b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường**

Công ty luôn tuân thủ các quy định liên quan đến môi trường nên không bị xử phạt.

## ***Chính sách liên quan đến người lao động***

### **a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

- Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 350 người. Trong đó, tổng số lao động nữ là 46 người.
- Trình độ chuyên môn chia ra như sau:
  - Trình độ trên đại học: 2 người chiếm 0,58%/Tổng lao động.
  - Trình độ Đại học: 49 người, chiếm 14%/Tổng lao động.
  - Trình độ Cao đẳng và trung cấp: 34 người, chiếm 9,71%/Tổng lao động.
  - Trình độ sơ cấp, chứng chỉ nghề và công nhân kỹ thuật: 60 người, chiếm 17,14%/Tổng lao động.
  - Lao động phổ thông: 205 người, chiếm 58,57%/Tổng lao động.
- Công ty luôn hướng đến việc xây dựng môi trường lao động tốt, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật như: Chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp, đảm bảo mức thu nhập tương đối cho người lao động. Thu nhập bình quân trung bình năm 2016 là: 7.643.121 đồng/người tăng 7,4 % so với năm 2015.

- Ngoài ra, Công ty tham gia 100% các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động có hợp đồng lao động chính thức.

### **b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- Luôn chú trọng giải quyết đủ việc làm và thanh toán lương đầy đủ cho người lao động.
- Duy trì công tác tổ chức các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn và các dịp lễ đặc biệt trong năm nhằm tạo mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các nhân viên trong đơn vị cũng như giao lưu với các đơn vị trong cùng hệ thống.

### **c. Hoạt động đào tạo người lao động**

- Tập trung công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Tuyên dương các cháu là con của CBCNV có thành tích học tập tốt. Công ty kết hợp với Công đoàn Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên các trường hợp ốm đau, bệnh tật...
- Định kỳ hàng năm tất cả CBCNV được tham dự khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động do Công ty kết hợp với Sở LĐTB&XH tỉnh Bình Dương tổ chức và tập huấn PCCC có sự hướng dẫn của Công An PCCC tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động.
- Nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm, Công đoàn Công ty tổ chức tặng cho toàn thể CBCNV những phần quà ủng hộ nhằm chăm lo đầy đủ phúc lợi cho người lao động.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp
- Thường xuyên cử CBCNV tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp như: kế toán, nhân sự, bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ thư ký, quản trị công ty, quản lý dự án, đào tạo kỹ thuật....

### **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Nhà nước về việc ủng hộ đồng bào bị bão lụt, thiên tai.
- Tham gia hỗ trợ Quỹ từ thiện Vsip thông qua chương trình ủng hộ gây quỹ do Vsip tổ chức.

**Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

- Xác định năng lực, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp để xác định và lựa chọn sản phẩm mục tiêu để phát triển.
- Tìm kiếm, xây dựng các mối liên kết và phát triển mạng lưới cung ứng.
- Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

## PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 với nhiều khó khăn, thách thức, Hội đồng quản trị Công ty, Ban điều hành cùng với toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực, phấn đấu đưa Công ty cơ bản vượt qua khó khăn. Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác triển khai các NQ ĐHCĐ và NQ HĐQT. Công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý phòng ban luôn được thực hiện sát sao, quyết liệt mang lại kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>347.235.852.676</b>	<b>332.834.933.473</b>
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	340.660.332.676	326.715.933.162
	<i>Sản xuất, kinh doanh &amp; thi công BTNN</i>	<i>163.773.491.596</i>	<i>129.619.114.443</i>
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	<i>102.603.427.968</i>	<i>92.346.949.627</i>
	<i>Cống BTCT, cầu kiện BTĐS</i>	<i>69.283.413.112</i>	<i>92.638.389.483</i>
	<i>Cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>12.111.479.609</i>
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	6.575.520.000	6.114.062.698
1.3	Thu nhập khác	-	4.937.613
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>305.900.504.460</b>	<b>290.203.883.744</b>
<b>3</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>41.335.348.216</b>	<b>42.631.049.729</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>37.035.645.947</b>	<b>37.451.974.540</b>



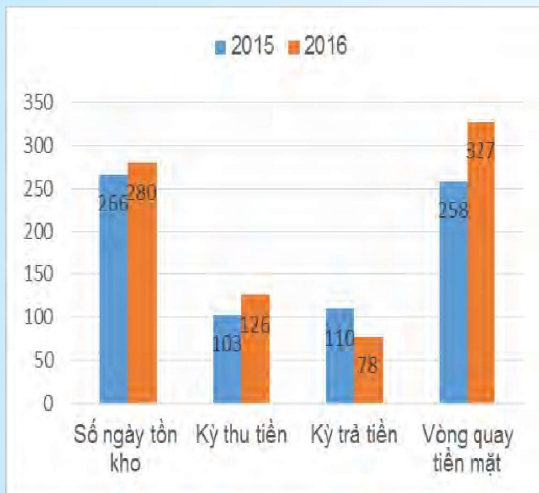
Năm 2016, lĩnh vực cung cấp & thi công bê tông nhựa nóng và sản phẩm công bê tông cốt thép vẫn tiếp tục mang lại doanh thu chính cho Công ty với tỷ lệ lần lượt là 40% và 28% tổng doanh thu. Bên cạnh đó lĩnh vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dân dụng & công nghiệp là lĩnh vực hoạt động mới của Công ty, đóng góp 28% tổng doanh thu.

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tài sản ngắn hạn	179.167.733.044	165.901.067.434
Tài sản dài hạn	115.434.039.327	110.434.878.446
Tổng tài sản	294.601.772.371	276.335.945.880

Hiệu suất sử dụng tài sản:



Các chỉ số	Năm 2015	Năm 2016
Số ngày tồn kho bình quân	325	280
Kỳ thu tiền bình quân	133	126
Số ngày phải trả bình quân	110	78
Vòng quay tiền mặt	348	327

- Vòng quay khoản phải thu đạt 2,9 vòng chậm hơn 0,7 vòng tương đương với số ngày thu tiền bình quân chậm hơn năm 2015 là 14 ngày do doanh thu 2016 tăng 9,6% so với năm 2015.
- Vòng quay tồn kho năm 2016 giảm không đáng kể so với năm 2015 nguyên nhân là do các công trình thi công nghiệm thu và quyết toán kịp thời trong năm. Giá trị tồn kho năm 2016 giảm 21% so với năm 2015.
- Vòng quay khoản phải trả tăng 1,4 tương đương thanh toán công nợ bình quân sớm hơn 32 ngày so với năm 2015. Điều này cũng làm ảnh hưởng đến luồng tiền hoạt động kinh doanh của công ty vì số ngày khoản phải thu bị kéo dài hơn 14 ngày trong khi số ngày phải trả công nợ bị rút ngắn lại 32 ngày so với năm 2015.

**b. Phân tích khả năng “Sinh tiền”**

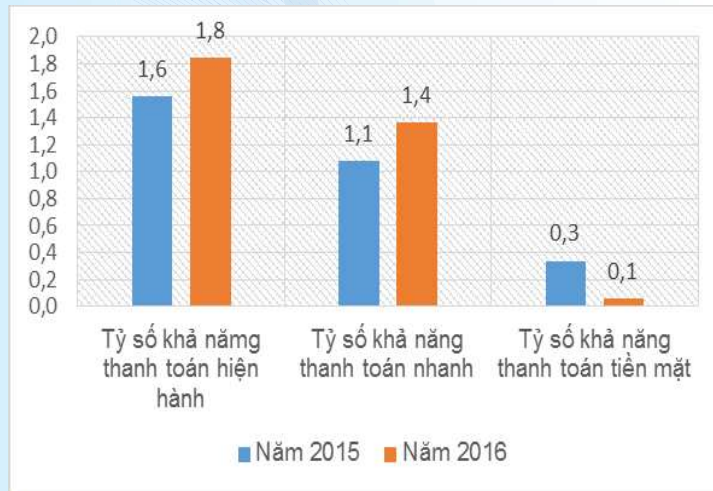
Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	34.595	(14.812)
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(13.232)	62
Tiền thuần từ hoạt động tài chính	(14.899)	(19.116)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	38.868	5.002

Tại thời điểm 31/12/2016, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh giảm xuống so với 31/12/2015.

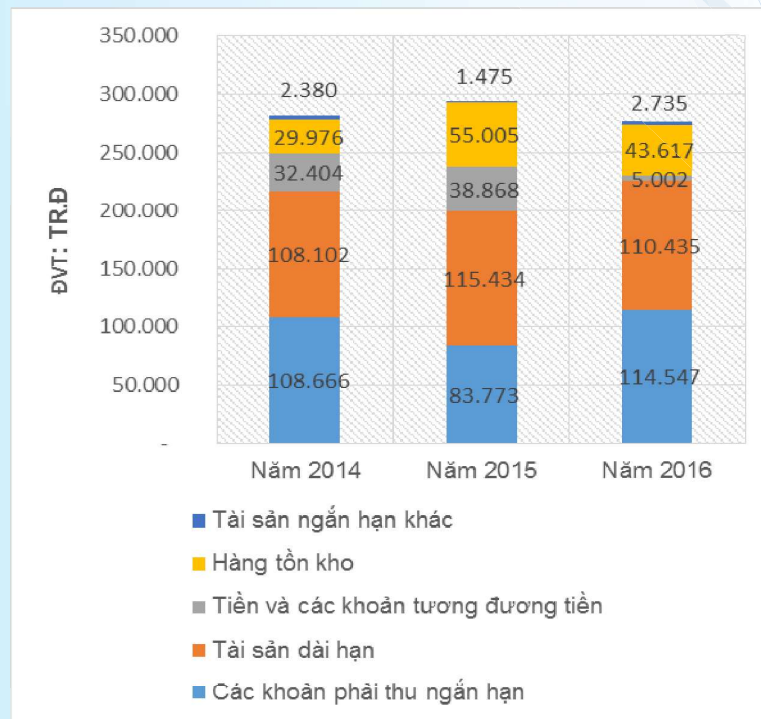
- Trong khi đó dòng tiền từ hoạt động đầu tư giảm ít hơn so với 2015 do: Năm 2015 Công ty đầu tư 9,6 tỷ đồng để mua cổ phần ABG, chiếm 60%/VĐL, bên cạnh đó Công ty nhận cổ tức 2015 từ công ty con BMJ & ABG được chi trả trong năm 2016 là 6,049 tỷ.
- Dòng tiền từ hoạt động tài chính cũng giảm nhiều hơn so với năm 2015 do Công ty phải thanh toán nợ gốc vay gấp 2 lần năm 2015.
- Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh giảm chủ yếu là do các khoản phải trả giảm trong khi nợ phải thu tăng lên và một nguyên nhân chính nữa là Công ty nộp bổ sung vào ngân sách Nhà nước theo đề nghị của Kiểm toán nhà nước do điều chỉnh ưu đãi thuế TNDN từ năm 2009-2015 nên dòng tiền cuối năm 2016 giảm đáng kể so với năm 2015.

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành	1,6	1,8
Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	1,1	1,4
Tỷ số khả năng thanh toán tiền mặt	0,3	0,1

Nhìn chung khả năng thanh toán năm 2016 vẫn ở mức ổn định. Các chỉ số đều tăng so với năm 2015. Riêng các chỉ số khả năng thanh toán nhanh giảm 0,2 so với năm 2015 là do ảnh hưởng của tình hình thu hồi công nợ

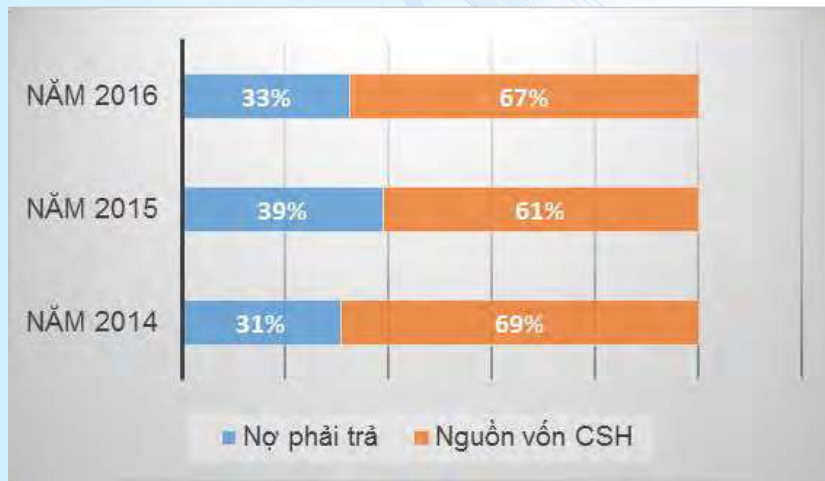


**TỔNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY TĂNG DẦN QUA CÁC NĂM NHƯNG VỀ MẶT CƠ CẤU THÌ CÓ THAY ĐỔI ĐÁNG KỂ.**



- Xét đến bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, tổng tài sản giảm 6,2% so với 2015. Xét về mặt cơ cấu, tỷ trọng tài sản dài hạn đã tăng mạnh qua 2 năm 2014, 2015 do Công ty đã đầu tư mua cổ phần tại các công ty làm tăng khoản mục này trên Tổng tài sản của Công ty.
- Bên cạnh đó thì hàng tồn kho giảm 20,7% so với năm 2015 chủ yếu là do các công trình thi công nghiệm thu và quyết toán kịp vào thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên khối lượng còn dở dang nói trên đã nghiệm thu hết tính đến thời điểm 31/3/2016.

Doanh thu tăng 9,6% so với năm 2015 nhưng tình hình thu hồi công nợ năm 2016 chậm đã tác động đến dòng tiền của công ty, cụ thể là các khoản tương đương tiền giảm đáng kể vào thời điểm 31/12/2016



- Năm 2016, tỷ trọng nợ phải trả trên Tổng nguồn vốn giảm 6% so với năm 2015 chủ yếu là khoản nợ phải trả người bán giảm 21,8% so với 2015.
- Xét về cơ cấu nguồn vốn thì vốn chủ sở hữu tăng 5% so với năm 2015 chủ yếu được bổ sung từ nguồn lợi nhuận sau thuế.
- Nhìn chung cấu trúc tài chính của Becamex Acc ổn định. Tại thời điểm 31/12/2016, 67% tài sản được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu. Nợ phải trả chiếm 1/3 tổng nguồn vốn.

### ***3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý***

Quản trị Công ty theo tình hình thực tế từng thời điểm, nắm bắt kịp thời thị trường để đề xuất HĐQT xem xét công tác đầu tư mang lại hiệu quả cao nhất.

Thắt chặt công tác quản lý chi phí nhằm hạn chế tối đa việc lãng phí .

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật.

Xây dựng các chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút và duy trì được đội ngũ lao động chất lượng thông qua các chính sách lương thưởng theo kết quả làm việc, đảm bảo quyền và

nghĩa vụ đối với người lao động theo luật lao động và có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

Thường xuyên trao đổi, hỗ trợ kịp thời lực lượng sản xuất thi công của Công ty để lực lượng sản xuất thi công an tâm công tác đáp ứng yêu cầu công việc và khách hàng.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục duy trì và phát huy các thế mạnh hiện có. Dự đoán tình hình thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế chung trong năm 2017 cùng với tình hình thực tế tại đơn vị trong thời gian qua, Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và đề ra phương hướng thực hiện như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
1	Tổng doanh thu	403.724.222.527	370.695.045.901
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	401.991.176.643	369.127.045.901
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	859.039.628	550.000.000
1.3	Thu nhập khác	874.006.256	1.018.000.000
2	Tổng chi phí	349.461.642.760	333.690.493.777
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	54.262.579.767	37.004.552.124
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	45.470.580.147	29.603.641.699

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đề ra như trên, trong năm 2017 Ban Tổng giám đốc sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác tiếp thị, linh hoạt trong chính sách bán hàng.

Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất và thi công tại các công trường thông qua việc kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, các định mức, nhân công, ca máy....

Duy trì ổn định lĩnh vực kinh doanh chính. Trên nền tảng kết quả đã được trong năm 2016, tiếp tục chú trọng phát triển lĩnh vực xây dựng giao thông, hạ tầng kỹ

thuật, dân dụng và công nghiệp nhằm phát huy hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, tăng cường đóng góp vào tổng doanh thu của Công ty.

Công tác nghiệm thu tại các công trình kịp thời, đảm bảo sự ổn định của dòng tiền, bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, thi công và đầu tư.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, ổn định công tác nhân sự; không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý điều hành, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty.

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong các công tác chăm lo đời sống cho người lao động. Đưa ra những chính sách khen thưởng, phúc lợi thích hợp để kịp thời động viên, khuyến khích các CBCNV có thành tích tốt trong hoạt động SXKD.

Bảo đảm an toàn lao động trong quá trình sản xuất cũng như thi công; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường tại các nhà máy và công trường thi công.

## PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### ***1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty***

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ về các số liệu: sản lượng sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, đầu tư phát triển sản xuất, thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước và các cổ đông....

Trong năm 2016, HĐQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt

Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2016, Công ty đã thực hiện đầu tư các hạng mục mới và hàng loạt các phương tiện, máy móc nhằm mở rộng thị trường. Được sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, sự nỗ lực trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc cùng

với tính đoàn kết thống nhất của toàn thể người lao động ở mỗi vị trí công việc từ đó Becamex ACC đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016
Tổng doanh thu	347.235.852.676	332.834.933.473
Lợi nhuận trước thuế	41.335.348.216	42.631.049.729
Lợi nhuận sau thuế	37.035.645.947	37.451.974.540
Tỷ lệ cổ tức	≥ 25 %	≥ 18%

Đạt được kết quả như trên chúng ta không thể không nói tới những cổ đông, khách hàng, đối tác đã cùng sát cánh song hành cùng Becamex ACC. Bằng ý thức trách nhiệm với cổ đông, người lao động, xã hội, bằng đạo đức nghề nghiệp chúng tôi đã:

- Đầu tư cho việc tạo ra sản phẩm chất lượng và khác biệt.
- Phát triển và mở rộng thị trường.
- Kiểm soát chặt chẽ quy trình kỹ thuật, hệ thống định mức nhằm giảm thiểu chi phí.
- Nâng cao trình độ quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết giảm chi phí, giảm giá thành, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn.
- Phân công rõ ràng quyền hạn, trách nhiệm của từng thành Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý.
- Minh bạch tài chính, kinh doanh đúng pháp luật, công bố thông tin đúng quy định đảm bảo sự công bằng trong việc tiếp cận thông tin, đảm bảo hơn nữa quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư.
- Đảm bảo môi trường làm việc tốt cho người lao động, hướng đến thu nhập của người lao động ngày càng tăng nhưng đảm bảo phù hợp với năng suất lao động cũng như doanh thu đạt được.

## ***2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty***

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác qua các mặt hoạt động sau:

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.

- Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty... và các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo tính minh bạch, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật. Đây không chỉ là nghĩa vụ luật định mà còn là quyền lợi của mỗi doanh nghiệp niêm yết, gây dựng lòng tin của nhà đầu tư.
- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, công tác nghiệm thu, tình hình công nợ...
- Giám sát Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý về việc đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng, đề xuất các giải pháp kinh doanh linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế.

Kết quả giám sát cho thấy Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế nội bộ, kịp thời đề xuất, tham mưu cho HĐQT các giải pháp trong hoạt động quản lý, điều hành; bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT; tuân thủ các quy định về công bố thông tin.

Trong năm 2016, Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý đã nỗ lực, chủ động để thực hiện các công việc được ĐHĐCĐ, HĐQT giao. Các Phó Tổng giám đốc thực hiện đúng quyền hạn chuyên môn đã được phân công và những công việc được Tổng giám đốc ủy quyền.

Ban Tổng Giám Đốc đã nắm bắt và thích ứng với sự thay đổi của thị trường, cùng các cán bộ quản lý thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện, xác định những vấn đề còn tồn tại, từ đó đề ra các giải pháp, chính sách linh hoạt điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với tình hình thị trường.

### ***3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị***

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2017, trước hết tiếp tục dựa trên các dự án, công trình Công ty đang thực hiện cũng như kế hoạch của Tổng công ty Becamex, các công ty con trong hệ thống Becamex trong năm 2017. Đồng thời, tiếp cận, tham gia đấu thầu các dự án bên ngoài của Nhà nước, của các doanh nghiệp, tìm cách mở rộng thị trường để hoàn thành kế hoạch đề ra



### Kế hoạch SXKD ACC:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017
Tổng doanh thu	332.834.933.473	286.959.045.901
Tổng lợi nhuận trước thuế	42.631.049.729	24.951.611.790
Lợi nhuận sau thuế TNDN	37.451.974.540	21.341.169.432
Tỷ lệ cổ tức	≥ 18%	≥ 18%

### Kế hoạch SXKD hợp nhất:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017
Tổng doanh thu	403.724.222.527	370.695.045.901
Tổng lợi nhuận trước thuế	54.262.579.767	37.004.552.124
Lợi nhuận sau thuế TNDN	45.470.580.147	29.603.641.699

Để đạt được các kế hoạch nêu trên, trong năm 2017 Hội đồng quản trị đưa ra các biện pháp trọng tâm, như sau:

- \* Mở rộng thị trường kinh doanh.
- \* Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện quản lý và kiểm soát tốt các chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận.
- \* Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc chú trọng đến việc nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các định mức khoán vật liệu, nhân công, xe máy trong sản xuất và thi công.
- \* Tập trung công tác quản trị; tăng cường giám sát nội bộ, kiểm soát rủi ro.
- \* Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực; chú trọng nâng cao khả năng điều hành của cán bộ quản lý; trình độ chuyên môn cho CBCNV, nhất là các cán bộ kỹ thuật.
- \* Thúc đẩy công tác nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, thi công từ đó tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.
- \* Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các công ty con, công ty liên kết.

- \* Tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành, tạo cơ sở pháp lý đúng đắn cho tổ chức và hoạt động Công ty an toàn, hiệu quả.

Quản trị công ty là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Nhận biết được tầm quan trọng đặc biệt của hoạt động này đối với lợi ích của cổ đông cũng như đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Becamex ACC luôn nỗ lực quản trị công ty một cách hiệu quả, cụ thể tập trung vào:

Mọi hoạt động quản trị công ty phải luôn luôn thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- HĐQT và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

## PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### **4. Hội đồng quản trị**

#### **a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

HĐQT được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông Becamex ACC, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT (2013-2018) với số lượng 5 thành viên, trong đó Cơ cấu: 1 Chủ tịch, 4 thành viên.

Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	
Ông: Trương Đức Hùng	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân:	30.591 CP (0,30%)
		Đại diện cho Tổng công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC Corp.):	7.336.704 CP (73,36%)
Ông: Quảng Văn Viết Cường	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP
Ông: Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP
Bà: Phạm Thị Sương	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	11.476 CP (0,11%)
Ông: Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP

- Ông Trương Đức Hùng hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex và Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.
- Ông Quảng Văn Viết Cường hiện là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Becamex BCE), Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (Becamex TDC), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị (Becamex UDJ).
- Bà Phạm Thị Sương hiện là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình

### **b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Không có

### **c. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

HĐQT đã đưa ra các định hướng triển khai một cách cụ thể, chi tiết và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ. Năm 2016, HĐQT tiếp tục nỗ lực nâng cao chất lượng công tác quản trị. Công tác quản trị được quan tâm từ các khâu: quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị rủi ro... theo Quy chế quản trị nhằm đảm

bảo an toàn, đem lại hiệu quả cho Công ty. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi, tham vấn các vấn đề quan trọng về điều hành hoạt động của Công ty ngoài các cuộc họp, từ đó đưa ra chỉ đạo kịp thời và theo dõi sâu sát việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác. Tiếp tục kiện toàn cơ cấu, sắp xếp bộ máy tổ chức và hoạt động của Công ty và các công ty con.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tiến hành 6 cuộc họp. Số lượng tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên như sau:

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch HĐQT	06	100%
Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên HĐQT	06	100%
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT	06	100%
Bà Phạm Thị Sương	Thành viên HĐQT – P.TGD TT	06	100%
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	06	100%

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định, tất cả thành viên tham dự đầy đủ, các nội dung biểu quyết đều có tính thống nhất cao của các thành viên.

Các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT để thực hiện tốt hơn chức năng giám sát, đồng thời qua đó HĐQT có thể tiếp thu các đóng góp mang tính xây dựng của Ban kiểm soát, từ đó là cơ sở để đưa ra các quyết định của HĐQT.

**Các Nghị Quyết, Quyết định trong năm của HĐQT:**

STT	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
1	01/2016/NQ-HĐQT	11/3/2016	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016	
2	02/2016/NQ-HĐQT	15/3/2016	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 và chấp thuận việc ký kết Hợp đồng tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 với Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	
3	03/2106/NQ-HĐQT	11/4/2016	Thông qua chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016	
4	04/2016/NQ-HĐQT	17/5/2016	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền	
5	05/2016/NQ-HĐQT	30/5/2016	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	
06	06/2016/NQ-HĐQT	21/11/2016	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	

**d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Không có

**e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

Ông Trương Đức Hùng – Chủ tịch HĐQT

Ông Quảng Văn Viết Cương – TV HĐQT

Ông Nguyễn Danh Tùng – TV HĐQT

Bà Phạm Thị Sương – TV HĐQT

Ông Huỳnh Vĩnh Thành – TV HĐQT

## **5. Ban Kiểm soát**

### **a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên như sau:

Bà Châu Thị Vân - Trưởng Ban.

Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thành viên.

Bà Ngô Thị Minh Loan - Thành viên.

### **b. Hoạt động của Ban kiểm soát**

#### **❖ Các cuộc họp của Ban kiểm soát:**

Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 - 2017, BKS tổ chức 04 cuộc họp với các nội dung chính như sau:

- \* Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính trong năm 2016.
- \* Thẩm định Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2016 của công ty mẹ ACC và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2016 được soát xét; Đánh giá việc giám sát, phối hợp của HĐQT đối với Tổng giám đốc trong việc điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty.
- \* Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 của công ty mẹ ACC và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán.
- \* Thống nhất Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2016 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Các phiên họp của BKS có số thành viên tham dự đầy đủ và các vấn đề thảo luận được sự thống nhất cao. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi các vấn đề phát sinh cần kiểm tra, giám sát thông qua điện thoại, thư điện tử...

#### **❖ Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2016 BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- \* Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
- \* Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, Điều lệ Công ty.
- \* Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- \* Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng.
- \* Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

**❖ Giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty:**

Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh; thẩm định các báo cáo tài chính và thống nhất kết quả kinh doanh năm 2016 với một số chỉ tiêu chính như sau:

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ TH 2016/ KH 2016
1	Tổng doanh thu	347.235.852.676	332.834.933.473	95,9%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	41.335.348.216	42.631.049.729	103,1%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	37.035.645.947	37.451.974.540	101,1%

- Trong năm 2016, Công ty đã đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị với tổng mức đầu tư là: 6.672.734.501 đồng nhằm phục vụ hoạt động sản xuất và thi công, đáp ứng yêu cầu thực tiễn kinh doanh.
- BKS thống nhất với nội dung của các báo cáo tài chính trong năm 2016 của Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2016 được Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn (A&C) kiểm toán đã thể hiện đầy đủ, rõ ràng, phản ánh tình hình tài chính Công ty là lành mạnh, không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.
- Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.
- Tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính.

**❖ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Trong năm 2016, HĐQT tổ chức 6 phiên họp với số lượng thành viên tham dự đầy đủ. Các phiên họp được tổ chức đúng trình tự, tuân thủ quy định về quyền biểu quyết đối với các thành viên HĐQT có lợi ích liên quan. Các Nghị quyết được ban hành đúng thẩm quyền, dựa trên các căn cứ pháp lý phù hợp, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn kinh doanh và nhu cầu quản trị.
- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 đúng thủ tục và thời gian, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, công tác nghiệm thu, thu hồi công nợ, nắm bắt cơ hội kinh doanh và mở rộng thị trường...

- HĐQT giám sát Tổng giám đốc về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm công khai, minh bạch hoạt động của Công ty, đảm bảo thông tin được chuyển tải đến cổ đông, nhà đầu tư đầy đủ, kịp thời.

❖ **Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:**

- Trong năm 2016, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã rất nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, bám sát mục tiêu ĐHCĐ thường niên năm 2016 đề ra, đảm bảo tuân thủ quy định Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty.
- Tổng giám đốc đã tiến hành các thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và được cấp giấy xác nhận về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp; Đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2015; Đã trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế đúng tỷ lệ ĐHCĐ thường niên năm 2016 thông qua.
- Trong năm 2016, Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chủ động báo cáo và đề xuất kịp thời các giải pháp kinh doanh cho HĐQT; tuân thủ phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty.
- Ban điều hành rất nỗ lực trong việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường cung cấp, phát triển lĩnh vực xây dựng dân dụng.
- Các cán bộ quản lý tăng cường công tác quản lý điều hành sát sao, quyết liệt và linh hoạt xuống mỗi phòng ban, bộ phận; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, thông suốt.

❖ **Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:**

- BKS luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật.
- Trong năm vừa qua, HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của HĐQT.
- Đại diện BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT nhằm giám sát sự tuân thủ trình tự, thủ tục, thẩm quyền trong cuộc họp, đồng thời nhằm nắm bắt tình hình hoạt động thực tế, những thuận lợi và khó khăn hiện có của Công ty. Từ đó có đề xuất góp ý với HĐQT trong việc đưa ra những quyết định điều hành và thực hiện các mục tiêu được ĐHCĐ đề ra.



- Ngoài ra, BKS được mời tham dự một số cuộc họp của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý về việc giải quyết các vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành công việc kinh doanh.
- Trong năm 2016, BKS không nhận được yêu cầu kiểm tra nào từ cổ đông. Công ty đã thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường đầy đủ, kịp thời theo quy định đối với tổ chức niêm yết.

## **6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

### **a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Thành viên	Thù lao HĐQT, BKS năm 2015, thưởng BDH năm 2015	Lương bình quân tháng trong năm 2016	Thưởng bình quân tháng trong năm 2016
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Trương Đức Hùng	39.000.000		
Quảng Văn Việt Cường	39.000.000		
Nguyễn Danh Tùng	39.000.000		
Huỳnh Vĩnh Thành	39.000.000		
<b>Ban kiểm soát</b>			
Châu Thị Vân	39.000.000		
Nguyễn Thị Thanh Nhân	30.000.000		
Ngô Thị Minh Loan	30.000.000	10.306.583	8.893.941
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Nguyễn Hồng Tuyên		33.130.166	12.038.280
Phạm Thị Sương	20.000.000	27.382.750	13.884.599
Nguyễn Xuân Cường		25.325.250	9.684.125
Nguyễn Thị Thúy Vân		25.382.750	9.975.792

### **b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số Cp sở hữu đầu kỳ	Số Cp sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm
Nguyễn Xuân Cường	Phó TGD	12.624	24	Giao dịch bán

### **c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**

#### ***Giao dịch giữa Công ty với Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC Corp.):***

- + Ngày 04/01/2016: ký 3 hợp đồng về cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 11/01/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 13/01/2016: ký 2 hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 21/01/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa, cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 22/01/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 28/01/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công dặm vá bê tông nhựa.
- + Ngày 29/01/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa, cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 30/01/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 01/02/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công bê tông nhựa.
- + Ngày 16/02/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 18/02/2016: ký 2 hợp đồng cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 22/02/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 25/02/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 26/02/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 29/02/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 29/03/2016: ký 2 hợp đồng cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 01/04/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công biển báo giao thông.
- + Ngày 13/04/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa, cung cấp và thi công bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 19/04/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 20/04/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa, cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 28/05/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 31/05/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công biển báo giao thông.
- + Ngày 01/06/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 09/06/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công biển báo giao thông.
- + Ngày 03/08/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 18/04/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.

- + Ngày 01/07/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa; cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 04/07/2016: ký 3 hợp đồng cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 26/07/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 04/07/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 27/07/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 28/07/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 01/08/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 03/08/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 13/09/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 15/09/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 10/10/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 11/10/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công gờ giảm tốc.
- + Ngày 14/10/2016: ký 6 hợp đồng cung cấp và thi công sơn kẻ đường.
- + Ngày 10/10/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công trải bó vỉa bê tông xi măng.
- + Ngày 24/10/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 24/11/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.

***Giao dịch giữa Công ty với Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật:***

- + Ngày 21/01/2016: ký 2 hợp đồng cung cấp và thi công bê tông nhựa.
- + Ngày 22/01/2016: ký hợp đồng sửa chữa trạm thu phí suối giữa.
- + Ngày 23/01/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 25/01/2016: ký hợp đồng thi công nhà ở.
- + Ngày 29/02/2016: ký hợp đồng thi công nhà ở.
- + Ngày 28/03/2016: ký hợp đồng thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải.
- + Ngày 08/04/2016: ký 2 phụ lục hợp đồng gia hạn thanh toán.
- + Ngày 11/04/2016: ký 2 hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 13/04/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 04/04/2016: ký hợp đồng sửa chữa mặt đường.
- + Ngày 11/04/2016: ký hợp đồng thi công thoát nước, cải tạo kênh, cảnh quan.
- + Ngày 18/04/2016: ký hợp đồng thi công nhà ở.
- + Ngày 09/05/2016: ký phụ lục hợp đồng thi công hệ thống đường – thoát nước mưa – nước thải.
- + Ngày 30/05/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công dậm vá bê tông nhựa.
- + Ngày 31/05/2016: ký 2 hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.

- + Ngày 10/06/2016: ký phụ lục hợp đồng gia hạn thanh toán thi công sơn kẻ đường; phụ lục hợp đồng gia hạn thanh toán thi công bê tông nhựa.
- + Ngày 13/06/2016: ký 3 hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 17/06/2016: ký hợp đồng thi công nhà ở.
- + Ngày 23/06/2016: ký hợp đồng thi công nhà ở.
- + Ngày 28/06/2016: ký phụ lục hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 29/06/2016: ký phụ lục hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa.
- + Ngày 08/07/2016: ký hợp đồng sửa chữa, chống thấm.
- + Ngày 15/07/2016: ký hợp đồng sửa chữa, chống thấm.
- + Ngày 28/07/2016: ký hợp đồng cung cấp và thi công mặt đường bê tông cốt thép.
- + Ngày 01/08/2016: ký hợp đồng sửa chữa, chống thấm; ký hợp đồng thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải.
- + Ngày 30/09/2016: ký 2 hợp đồng thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải.
- + Ngày 05/10/2016: ký hợp đồng ban ủi, dọn dẹp khu đô thị; ký hợp đồng sửa chữa, chống thấm khu chung cư.
- + Ngày 10/10/2016: ký hợp đồng sửa chữa, chống thấm; ký phụ lục hợp đồng thi công nhà ở.
- + Ngày 22/10/2016: ký hợp đồng sửa chữa, chống thấm khu đô thị.
- + Ngày 25/10/2016: ký hợp đồng thi công công viên cách ly.
- + Ngày 14/12/2016: ký hợp đồng thi công sơn nước.
- + Ngày 18/12/2016: ký hợp đồng thi công nhà ở.
- + Ngày 23/12/2016: ký hợp đồng thi công sửa chữa và chống thấm.
- + Ngày 27/12/2016: ký phụ lục hợp đồng thi công nhà ở.

***Giao dịch giữa Công ty với Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex:***

- Ngày 04/01/2016: ký hợp đồng mua bán đá xây dựng các loại.
- Ngày 01/3/2016, 01/6/2016: ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá mua bán đá xây dựng các loại.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÊ TÔNG BECAMEX**

# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>13 - 37</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>38 - 41</b>

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bê tông Becamex là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV) theo Quyết định số 631/QĐ – UBND ngày 05 tháng 3 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô D-3-CN, đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 650) 3 567 200
- Fax : (84 - 650) 3 567 201

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cấu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cấu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản lắp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cấu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp;
- Cắt và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây đô thị;
- Phá dỡ.





### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Phạm Thị Sương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015

#### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Châu Thị Vân	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Ngô Thị Minh Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015
Bà Phạm Thị Sương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015

#### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Tuyên - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015).

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hồng Tuyên**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2017





Số: 0385/2017/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>165.901.067.434</b>	<b>179.167.733.044</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.002.018.701</b>	<b>38.868.100.318</b>
1. Tiền	111		5.002.018.701	38.868.100.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>114.547.237.890</b>	<b>83.818.886.295</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	113.878.873.186	83.772.713.707
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.012.092.478	386.361.530
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	86.313.706	46.183.975
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(430.041.480)	(386.372.917)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.617.003.101</b>	<b>55.005.317.602</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	43.617.003.101	55.005.317.602
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.734.807.742</b>	<b>1.475.428.829</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.734.807.742	1.475.428.829
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>110.434.878.446</b>	<b>115.434.039.327</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.298.238.211</b>	<b>33.126.378.332</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	21.551.035.686	22.972.216.521
- Nguyên giá	222		107.591.402.343	100.918.667.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.040.366.657)	(77.946.451.321)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	9.747.202.525	10.154.161.811
- Nguyên giá	228		12.976.827.330	12.976.827.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.229.624.805)	(2.822.665.519)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.818.182</b>	<b>144.437.956</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	21.818.182	144.437.956
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>77.975.224.874</b>	<b>81.527.989.414</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	56.300.851.200	56.750.851.200
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	26.547.500.000	26.547.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(4.873.126.326)	(1.770.361.786)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.139.597.179</b>	<b>635.233.625</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.139.597.179	635.233.625
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>276.335.945.880</b>	<b>294.601.772.371</b>

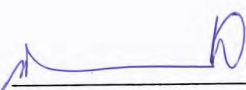
Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

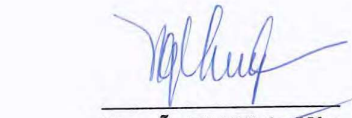
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>89.832.093.873</b>	<b>114.744.838.740</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.832.093.873</b>	<b>114.744.838.740</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	55.072.101.544	70.468.491.433 ✓
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.220.760.265	590.960.762 ✓
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.962.717.111	23.492.643.925 ✓
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.355.394.125	2.028.362.454 ✓
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.136.194.417	444.608.361 ✓
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	4.317.665.038	1.339.173.175 ✓
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	17.064.669.024	14.187.197.740 ✓
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	1.990.604.860	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3.711.987.489	2.193.400.890
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

372 / TỶ HỮU C

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.503.852.007</b>	<b>179.856.933.631</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>186.503.852.007</b>	<b>179.856.933.631</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	1.527.143.181	1.527.143.181
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.21	9.055.511.950	9.055.511.950
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	56.123.821.471	56.123.821.471
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	19.797.375.405	13.150.457.029
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11.849.542.971)	13.150.457.029
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.646.918.376	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>276.335.945.880</b>	<b>294.601.772.371</b>

  
**Văn Thị Anh Đào**  
 Người lập

  
**Nguyễn Thị Thúy Vân**  
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2017

  
**Nguyễn Hồng Tuyên**  
 Tổng Giám đốc

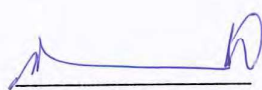
# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	326.730.214.062	293.811.670.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	14.280.900	133.699.936
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		326.715.933.162	293.677.970.856
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	257.240.884.645	233.254.031.274
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.475.048.517	60.423.939.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.114.062.698	3.982.741.139
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.152.632.461	2.110.507.890
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.049.867.921	340.146.104
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.864.939.433	10.241.011.414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15.940.331.200	13.561.783.286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.631.208.121	38.493.378.131
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4.937.613	344.387.926
12. Chi phí khác	32	VI.9	5.096.005	36.073.529
13. Lợi nhuận khác	40		(158.392)	308.314.397
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.631.049.729	38.801.692.528
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	5.179.075.189	5.207.012.510
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>37.451.974.540</u>	<u>33.594.680.018</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>-</u>	<u>-</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>-</u>	<u>-</u>

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2017

  
Văn Thị Anh Đào  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thúy Vân  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Hồng Tuyên  
Tổng Giám đốc



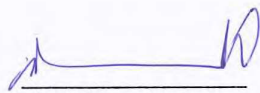
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.631.049.729	38.801.692.528
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9	8.500.874.622	8.580.730.994
- Các khoản dự phòng	03	V.5; V.11; V.19	5.137.037.963	1.676.991.690
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(6.049.003.631)	(4.144.664.218)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.049.867.921	340.146.104
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.269.826.604	45.254.897.098
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.772.020.158)	24.727.203.059
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.388.314.501	(25.029.427.023)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.201.139.246)	(2.377.376.458)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.763.742.467)	517.546.146
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(1.049.867.921)	(350.379.924)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(26.397.199.053)	(3.407.528.990)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(4.286.469.565)	(4.739.669.137)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(14.812.297.305)</b>	<b>34.595.264.771</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.10 VII	(6.436.809.227)	(7.760.152.135)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	262.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.616.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.11	450.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	6.049.003.631	3.881.936.945
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>62.194.404</b>	<b>(13.231.987.917)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	32.063.127.342	23.943.160.425
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(29.185.656.058)	(13.849.490.619)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17; V.21	(21.993.450.000)	(24.992.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(19.115.978.716)</i>	<i>(14.898.830.194)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(33.866.081.617)</b>	<b>6.464.446.660</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>38.868.100.318</b>	<b>32.403.653.658</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5.002.018.701</b>	<b>38.868.100.318</b>

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2017

  
 Văn Thị Anh Đào  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Thúy Vân  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Hồng Tuyên  
 Tổng Giám đốc

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vật liệu xây dựng	74,66%	74,66%	74,66%
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	60%	60%	60%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 350 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 322 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí bản quyền phần mềm và các chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

***Chi phí bản quyền phần mềm***

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

***Các chi phí trả trước dài hạn khác***

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công cụ, sửa chữa hàng rào,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (42 năm).

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao như sau:

<u>Loại phần mềm máy tính</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

##### *Tiêu chuẩn kỹ thuật công*

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật công để sản xuất sản phẩm công các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 đến 08 năm.

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

**11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 05% trên giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

**12. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.



### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



**15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

**17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	228.649.764	178.240.487
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.773.368.937	38.689.859.831
<b>Cộng</b>	<b><u>5.002.018.701</u></b>	<b><u>38.868.100.318</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>107.484.512.602</i></b>	<b><i>72.857.675.827</i></b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	17.334.297.385	14.176.674.638
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	246.877.169	4.360.658.490
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng kỹ thuật	88.980.407.185	53.712.792.650
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	185.788.925	2.456.960
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt	186.058.548	477.401.383
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	551.083.390	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	-	127.691.706
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>6.394.360.584</i></b>	<b><i>10.915.037.880</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>113.878.873.186</u></b>	<b><u>83.772.713.707</u></b>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>202.368.153</i>	<i>56.106.650</i>
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex	152.880.053	56.106.650
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	49.488.100	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>809.724.325</i>	<i>330.254.880</i>
Công ty Cổ Phần UTC2	225.000.000	-
Công Ty TNHH Kỹ Thuật Tiêu Điểm	273.876.851	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Đồng Thuận Phát	-	180.125.000
Các nhà cung cấp khác	310.847.474	150.129.880
<b>Cộng</b>	<b><u>1.012.092.478</u></b>	<b><u>386.361.530</u></b>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	81.315.813	-	44.466.563	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.997.893	-	1.717.412	-
<b>Cộng</b>	<b><u>86.313.706</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>46.183.975</u></b>	<b><u>-</u></b>

5. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tân Hùng Phát – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	173.194.526	-	Trên 03 năm	173.194.526	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Lộc Hoàng Gia – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	95.089.291	-	Trên 03 năm	95.089.291	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long – Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 đến 03 năm	189.298.335	56.789.500	Từ 01 đến 02 năm	189.298.335	100.458.063
Phải thu các tổ chức khác	Trên 03 năm	29.248.828	-	Trên 03 năm	29.248.828	-
<b>Cộng</b>		<b><u>486.830.980</u></b>	<b><u>56.789.500</u></b>		<b><u>486.830.980</u></b>	<b><u>100.458.063</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	386.372.917	479.743.013
Trích lập dự phòng bổ sung	43.668.563	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(93.370.096)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>430.041.480</u></b>	<b><u>386.372.917</u></b>

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.158.710.428	-	12.946.896.649	-
Công cụ, dụng cụ	156.776.975	-	154.892.262	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.227.243.719	-	33.318.251.668	-
Thành phẩm	11.013.596.040	-	8.508.288.034	-
Hàng hóa	60.675.939	-	69.657.424	-
Hàng gửi đi bán	-	-	7.331.565	-
<b>Cộng</b>	<b>43.617.003.101</b>	<b>-</b>	<b>55.005.317.602</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	1.644.893.610	1.079.119.178
Chi phí vận chuyển đá	848.576.564	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	241.337.568	396.309.651
<b>Cộng</b>	<b>2.734.807.742</b>	<b>1.475.428.829</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.053.584.085	272.765.665
Chi phí bản quyền phần mềm	66.694.249	349.821.904
Các chi phí trả trước dài hạn khác	19.318.845	12.646.056
<b>Cộng</b>	<b>1.139.597.179</b>	<b>635.233.625</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	11.078.977.309	55.065.958.680	32.719.684.464	1.710.281.208	343.766.181	100.918.667.842
Mua sắm mới	428.181.818	3.775.820.909	775.000.000	-	-	4.979.002.727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	122.619.774	1.571.112.000	-	-	-	1.693.731.774
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.629.778.901</b>	<b>60.412.891.589</b>	<b>33.494.684.464</b>	<b>1.710.281.208</b>	<b>343.766.181</b>	<b>107.591.402.343</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	859.076.772	29.803.253.129	12.904.690.690	531.913.249	-	44.098.933.840
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.351.772.845	47.476.086.170	21.794.733.868	1.148.922.980	174.935.458	77.946.451.321
Khấu hao trong năm	1.022.430.800	4.433.597.451	2.409.951.068	175.520.139	52.415.878	8.093.915.336
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.374.203.645</b>	<b>51.909.683.621</b>	<b>24.204.684.936</b>	<b>1.324.443.119</b>	<b>227.351.336</b>	<b>86.040.366.657</b>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.727.204.464	7.589.872.510	10.924.950.596	561.358.228	168.830.723	22.972.216.521
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.255.575.256</b>	<b>8.503.207.968</b>	<b>9.289.999.528</b>	<b>385.838.089</b>	<b>116.414.845</b>	<b>21.551.035.686</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.675.891.760 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương (xem thuyết minh số V.18).

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Tiêu chuẩn kỹ thuật công</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	11.769.135.713	605.759.800	601.931.817	12.976.827.330
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.769.135.713</b>	<b>605.759.800</b>	<b>601.931.817</b>	<b>12.976.827.330</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	70.610.000	474.659.090	545.269.090
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	2.018.233.305	344.853.763	459.578.451	2.822.665.519
Khấu hao trong năm	246.858.288	76.776.720	83.324.278	406.959.286
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.265.091.593</b>	<b>421.630.483</b>	<b>542.902.729</b>	<b>3.229.624.805</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	9.750.902.408	260.906.037	142.353.366	10.154.161.811
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.504.044.120</b>	<b>184.129.317</b>	<b>59.029.088</b>	<b>9.747.202.525</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Cộng</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	1.571.112.000	(1.571.112.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	144.437.956	139.181.080	(122.619.774)	(139.181.080)	21.818.182
<b>Cộng</b>	<b>144.437.956</b>	<b>1.710.293.080</b>	<b>(1.693.731.774)</b>	<b>(139.181.080)</b>	<b>21.818.182</b>

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>56.300.851.200</b>	<b>-</b>	<b>56.750.851.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex <sup>(i)</sup>	47.134.351.200	-	47.134.351.200	-	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình <sup>(ii)</sup>	9.166.500.000	-	9.616.500.000	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>26.547.500.000</b>	<b>(4.873.126.326)</b>	<b>26.547.500.000</b>	<b>(1.770.361.786)</b>	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước <sup>(iii)</sup>	24.900.000.000	(4.873.126.326)	24.900.000.000	(1.770.361.786)	
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương <sup>(iv)</sup>	1.647.500.000	-	1.647.500.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>82.848.351.200</b>	<b>(4.873.126.326)</b>	<b>83.298.351.200</b>	<b>(1.770.361.786)</b>	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex 47.134.351.200 VND, tương đương 74,66% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701799724 thay đổi lần thứ hai ngày 27 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình 9.616.500.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ sáu ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước 24.900.000.000 VND, tương đương 12,45% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương 1.647.500.000 VND, tương đương 10,98% vốn điều lệ.

*Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Tình hình hoạt động của các công ty con*

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.770.361.786	-
Trích lập dự phòng	3.102.764.540	1.770.361.786
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.873.126.326</b>	<b>1.770.361.786</b>

*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex</b>		
Thuê dịch vụ	109.090.908	-
Mua nguyên vật liệu	4.478.600.877	1.856.582.397
Cổ tức được chia	5.375.520.000	3.583.680.000
Bán thành phẩm	16.419.000	12.338.800
Cung cấp dịch vụ	33.682.352	397.710.988
Nhận chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	-	9.616.500.000
<b>Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình</b>		
Cổ tức được chia	450.000.000	-
Cổ tức được chia cho giai đoạn trước đầu tư	450.000.000	-



**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>8.591.838.259</b>	<b>2.508.986.746</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	146.908.476	935.418.684
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	3.825.457.714	775.841.837
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	208.552.500	54.465.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	4.266.858.169	454.719.825
Công ty Cổ phần Thể thao - Bóng đá Bình Dương	91.900.000	174.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	41.650.000	105.725.000
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương	10.511.400	8.416.400
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>46.480.263.285</b>	<b>67.959.504.687</b>
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	2.458.067.700	10.689.164.200
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư giao thông	6.359.047.200	10.585.791.700
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn	1.428.332.400	10.242.006.500
Công ty TNHH Nhựa đường Puma Energy Việt Nam	-	1.453.105.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Thượng Phương	5.418.686.714	4.132.217.206
Công ty TNHH Lưới thép hàn Song Hợp Lực	6.115.165.378	3.618.627.089
Công ty TNHH MTV Văn Tiến Nghĩa	4.190.474.905	8.051.596.516
Các nhà cung cấp khác	20.510.488.988	19.186.995.976
<b>Cộng</b>	<b>55.072.101.544</b>	<b>70.468.491.433</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Lễ - TNHH MTV	-	468.665.910
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Cầu đường Hùng Minh	709.743.100	-
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phước Bình Dương	104.453.906	-
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Xây dựng Hồng Hà	117.867.420	-
Các khách hàng khác	288.695.839	122.294.852
<b>Cộng</b>	<b>1.220.760.265</b>	<b>590.960.762</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.003.555.996	10.333.495.362	(9.589.570.723)	2.747.480.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(i)</sup>	21.412.280.622	5.179.075.189	(26.397.199.053)	194.156.758
Thuế thu nhập cá nhân	76.807.307	289.165.118	(344.892.707)	21.079.718
Các loại thuế khác	-	9.389.505	(9.389.505)	-
<b>Cộng</b>	<b>23.492.643.925</b>	<b>15.811.125.174</b>	<b>(36.341.051.988)</b>	<b>2.962.717.111</b>

(i) Theo Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh tăng số thuế phải nộp do xác định lại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là 19.605.166.995 VND của giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2015, trong đó, số tiền thuế phải nộp tăng thêm trong năm 2015 là 1.286.457.000 VND. Số tiền thuế tăng thêm từ năm 2009 đến năm 2015 được Công ty điều chỉnh tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000619 ngày 11 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty được ưu đãi đối với thu nhập từ dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất công bê tông cốt thép và bê tông nhựa nóng”, với thời gian ưu đãi là miễn thuế 03 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 05 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.631.049.729	38.801.692.528
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.818.048.743	765.741.919
- Các khoản điều chỉnh giảm	(35.258.481)	(437.890.787)
Thu nhập chịu thuế	44.413.839.991	39.129.543.660
Thu nhập được miễn thuế	(5.825.520.000)	(3.583.680.000)
Thu nhập tính thuế	38.588.319.991	35.545.863.660
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (giảm 50%)	25.385.888.093	23.755.249.956
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	13.202.431.898	11.790.613.704
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>7.717.663.999</b>	<b>7.820.090.005</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(2.538.588.810)</b>	<b>(2.613.077.495)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>5.179.075.189</b>	<b>5.207.012.510</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	2.123.592.767	1.929.321.967
Phải trả người lao động theo hợp đồng thời vụ	231.801.358	99.040.487
<b>Cộng</b>	<b><u>2.355.394.125</u></b>	<b><u>2.028.362.454</u></b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ	770.739.871	156.290.911
Chi phí quà tặng	263.636.364	100.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	101.818.182	188.317.450
<b>Cộng</b>	<b><u>1.136.194.417</u></b>	<b><u>444.608.361</u></b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>3.000.000.000</b>	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV – Cổ tức phải trả	3.000.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.317.665.038</b>	<b>1.339.173.175</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	276.770.968	121.655.671
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	560.211.251	509.828.868
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	65.000.000	65.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	27.850.000	21.300.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	387.832.819	621.388.636
<b>Cộng</b>	<b><u>4.317.665.038</u></b>	<b><u>1.339.173.175</u></b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	-	14.187.197.740
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương <sup>(ii)</sup>	17.064.669.024	-
<b>Cộng</b>	<b><u>17.064.669.024</u></b>	<b><u>14.187.197.740</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8).

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	14.187.197.740	4.093.527.934
Số tiền vay phát sinh	32.063.127.342	23.943.160.425
Số tiền vay đã trả	<u>(29.185.656.058)</u>	<u>(13.849.490.619)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>17.064.669.024</u></b>	<b><u>14.187.197.740</u></b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành công trình thi công.

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.949.960.969	5.056.016.563	(3.579.863.880)	3.426.113.652
Quỹ phúc lợi	69.034.236	561.779.618	(532.200.000)	98.613.854
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	174.405.685	187.259.983	(174.405.685)	187.259.983
<b>Cộng</b>	<b><u>2.193.400.890</u></b>	<b><u>5.805.056.164</u></b>	<b><u>(4.286.469.565)</u></b>	<b><u>3.711.987.489</u></b>

**21. Vốn chủ sở hữu**

**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	73.367.040.000	73.367.040.000
Các cổ đông khác	26.632.960.000	26.632.960.000
<b>Cộng</b>	<b><u>100.000.000.000</u></b>	<b><u>100.000.000.000</u></b>

**21c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21d. Phân phối lợi nhuận**

Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHCD ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm 2015	Số trích trong năm 2016
• Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế)	: 3.488.113.702	3.488.113.702	-
• Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế)	: 5.232.170.553	5.232.170.553	-
• Trích thưởng Ban điều hành (tỷ lệ 0,5% lợi nhuận sau thuế)	: 174.405.685	174.405.685	-
• Chi trả cổ tức cho các cổ đông (tỷ lệ 25% vốn điều lệ)	: 25.000.000.000	-	25.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.894.689.940</b>	<b>8.894.689.940</b>	<b>25.000.000.000</b>

Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm trích các quỹ trong năm 2016 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 thông qua như sau:

• Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế)	: 5.617.796.181
• Trích thưởng Ban điều hành (tỷ lệ 0,5% lợi nhuận sau thuế)	: 187.259.983
<b>Cộng</b>	<b>5.805.056.164</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	93.681.060.485	88.775.181.864
Doanh thu thi công công trình	220.942.977.805	199.769.455.224
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	12.106.175.772	5.267.033.704
<b>Cộng</b>	<b>326.730.214.062</b>	<b>293.811.670.792</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV</b>		
Cung cấp dịch vụ	471.824.234	246.477.198
Bán thành phẩm	57.512.142.800	52.442.876.810
Bán hàng hóa	82.271.620	185.442.060
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	43.379.594.956	54.563.896.718
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Bán hàng hóa	995.600	2.233.600
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	167.903.423	-

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</b>		
Bán thành phẩm	265.627.800	4.991.477.680
Bán hàng hoá	8.896.000	38.192.300
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	32.088.364	1.184.356.563
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</b>		
Bán thành phẩm	43.810.010.221	191.764.770
Bán hàng hoá	2.376.590.848	171.666.400
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	90.547.222.590	76.093.903.966
Cung cấp dịch vụ	3.702.444.921	-
<b>Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex</b>		
Bán thành phẩm	839.120	-
Bán hàng hoá	3.739.800	7.992.000
<b>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	15.354.945
<b>Công ty TNHH Thoát nước và Môi trường Bình Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	-	36.654.550
Bán hàng hóa	4.039.680	2.844.160
Bán thành phẩm	67.489.355	174.480.770
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt</b>		
Bán hàng hóa	-	3.144.000
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	-	270.702.432
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	116.083.369
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Khoản hàng bán bị trả lại.		
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	66.312.105.439	65.315.247.557
Giá vốn của thi công công trình	182.444.246.142	163.885.986.811
Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	8.484.533.064	4.052.796.906
<b>Cộng</b>	<b><u>257.240.884.645</u></b>	<b><u>233.254.031.274</u></b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	223.483.631	298.256.945
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	65.059.067	100.804.194
Cổ tức được chia	5.825.520.000	3.583.680.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.114.062.698</u></b>	<b><u>3.982.741.139</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.049.867.921	340.146.104
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.102.764.540	1.770.361.786
<b>Cộng</b>	<b><u>4.152.632.461</u></b>	<b><u>2.110.507.890</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.522.755.944	3.789.358.219
Chi phí vật liệu, bao bì	2.733.364.892	2.726.988.952
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	142.923.461	133.965.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	547.004.721	37.030.413
Chi phí thuê xe vận chuyển	2.366.722.915	1.132.185.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.814.516.226	1.473.342.921
Các chi phí khác	737.651.274	948.139.167
<b>Cộng</b>	<b><u>12.864.939.433</u></b>	<b><u>10.241.011.414</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.456.286.318	7.070.453.134
Chi phí vật liệu quản lý	206.918.603	154.764.236
Chi phí đồ dùng văn phòng	364.101.810	410.310.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.191.184.822	1.088.456.797
Thuế, phí và lệ phí	9.399.855	9.855.330
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	43.668.563	(93.370.096)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.060.556.204	3.086.182.344
Các chi phí khác	2.608.215.025	1.835.130.768
<b>Cộng</b>	<b><u>15.940.331.200</u></b>	<b><u>13.561.783.286</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	262.727.273
Thu nhập khác	4.937.613	81.660.653
<b>Cộng</b>	<b><u>4.937.613</u></b>	<b><u>344.387.926</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thẩm định giá thanh lý bán tài sản	5.000.000	10.000.000
Chi phí khác	96.005	26.073.529
<b>Cộng</b>	<b><u>5.096.005</u></b>	<b><u>36.073.529</u></b>

**10. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.330.605.351	222.165.028.536
Chi phí nhân công	33.600.131.178	28.256.200.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.500.874.622	8.580.730.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.198.420.692	15.849.691.543
Chi phí khác	4.823.583.551	4.595.926.869
<b>Cộng</b>	<b><u>267.453.615.394</u></b>	<b><u>279.447.578.483</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán là 173.915.500 VND (cuối năm trước là 0 VND) và công nợ trả trước liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 60.610.000 VND (cuối năm trước là 0 VND).

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.332.930.000	1.360.604.577
Tiền thưởng	417.493.549	912.540.946
<b>Cộng</b>	<b><u>1.750.423.549</u></b>	<b><u>2.273.145.523</u></b>



**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	Công ty con
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thể thao - Bóng đá Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV</b>		
Chi phí thuê đất	216.088.135	213.299.901
Phí quản lý	258.358.725	253.344.710
Thuê xe	3.010.928	769.373.230
Cổ tức phải trả	18.341.760.000	18.341.760.000
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Mua nguyên vật liệu	6.485.722.824	2.684.501.369
Mua dịch vụ	60.327.196	-
<b>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex</b>		
Mua nguyên vật liệu	1.615.661.364	53.409.090
<b>Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex</b>		
Mua nguyên vật liệu	1.621.311.905	60.554.600

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Thể thao - Bóng đá Bình Dương</i></b>		
Phí quảng cáo	83.545.454	400.545.455
<b><i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước</i></b>		
Cung cấp dịch vụ khám sức khỏe	41.643.000	36.637.200
<b><i>Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương</i></b>		
Phí tiền nước	130.470.856	98.800.475
Phí dịch vụ	20.345.000	15.894.000
<b><i>Công ty Cổ phần Công nghệ &amp; Truyền thông Việt Nam</i></b>		
Phí dịch vụ	25.080.000	83.330.000
<b><i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất</i></b>		
Thuê dịch vụ	20.000.000	40.000.000
Cổ tức phải trả	863.255.000	-
<b><i>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Thể thao Bình Dương</i></b>		
Phí dịch vụ	300.000.000	-
<b><i>Công Ty TNHH MTV Thương mại Becamex</i></b>		
Phí dịch vụ	85.636.364	-
<b><i>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</i></b>		
Phí dịch vụ	71.111.145	-
<b><i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng kỹ thuật (Becamex IJC)</i></b>		
Tiền điện	11.085.331	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

***Công nợ với các bên liên quan khác***

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.12 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: sản xuất và kinh doanh ống công thoát nước các loại.
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công son đường và lắp đặt cống.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

**3. Số liệu so sánh**

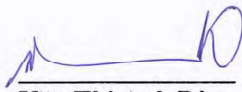
Trong năm, Công ty đã điều chỉnh số liệu một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2015 theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước.

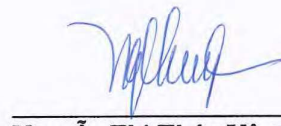
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:



	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước			Số liệu sau điều chỉnh
	Mã số		Các điều chỉnh	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.887.476.930	19.605.166.995	23.492.643.925
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	32.755.624.024	(19.605.166.995)	13.150.457.029
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.920.555.510	1.286.457.000	5.207.012.510
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	34.881.137.018	(1.286.457.000)	33.594.680.018

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

  
Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thúy Vân  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2017  
  
  
Nguyễn Hồng Tuyên  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

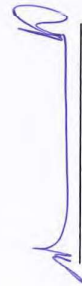
Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	C
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	52.635.707.769	13.450.466.951	176.6
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	33.594.680.018	33.5
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.488.113.702	(8.894.689.940)	(5.40)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(25.000.000.000)	(25.00)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	13.150.457.029	179.8
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	13.150.457.029	179.8
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	37.451.974.540	37.4
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(5.805.056.164)	(5.80)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(25.000.000.000)	(25.00)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	19.797.375.405	186.5

Đơn vị 1



Văn Thị Anh Đào  
Người lập



Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tuyền  
Tổng Giám đốc

1101 (A) H. 18

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính			
	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	93.666.779.585	220.942.977.805	12.106.175.772	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>93.666.779.585</b>	<b>220.942.977.805</b>	<b>12.106.175.772</b>	<b>-</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.308.067.544	35.081.333.084	3.620.450.882	-
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				61.009.1
Doanh thu hoạt động tài chính				(20.340.1
Chi phí tài chính				40.669.1
Thu nhập khác				6.114.1
Chi phí khác				(4.152.1
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				4.1
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(5.179.1
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>37.451.1</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>4.808.948.149</b>	<b>2.682.260.697</b>	<b>-</b>	<b>7.491.1</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.633.560.131</b>	<b>4.121.009.697</b>	<b>-</b>	<b>7.754.1</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>5.137.037.963</b>	<b>-</b>	<b>5.137.1</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	87.795.335.919	200.267.914.669	5.614.720.268	-	293.677.1
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>87.795.335.919</b>	<b>200.267.914.669</b>	<b>5.614.720.268</b>	<b>-</b>	<b>293.677.1</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.480.088.362	36.381.927.858	1.561.923.362	-	60.423.1
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(23.802.1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					36.621.1
Doanh thu hoạt động tài chính					3.982.1
Chi phí tài chính					(2.110.1
Thu nhập khác					344.1
Chi phí khác					(36.1
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.207.1
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.666.092.535</b>	<b>4.797.675.521</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.463.1</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>4.171.454.553</b>	<b>6.051.525.246</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.222.1</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	71.762.896.153	104.393.138.681	3.861.390.550	-	180.017.
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					96.318.
<b>Tổng tài sản</b>					<u>276.335.</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	18.611.902.801	32.090.110.159	-	-	50.702.
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					39.130.
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<u>89.832.</u>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	34.831.310.363	125.723.121.971	405.437.265	-	160.959.
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					133.641.
<b>Tổng tài sản</b>					<u>294.601.</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.904.456.433	51.430.348.066	-	-	60.334.
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					54.410.
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<u>114.744.</u>

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2017.



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào  
Người lập



*Bình Dương, Ngày 19 tháng 04 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN HỒNG TUYẾN**



Bình Dương, ngày 20 tháng 4 năm 2017  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*(Handwritten signature in blue ink)*  
**NGUYỄN HỒNG TUYÊN**